

Bản án số: 192/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6/2018
V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Hoàng Nghiệp;**
2. Ông **Lê Văn Phú.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thảo Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Thanh Thúy** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **20** tháng **6** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2017/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 về việc “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1989.

Cư trú: Tổ 22, ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1983

Cư trú: Tổ 10, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa bà T, ông T vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai bà **Nguyễn Thị T**, trình bày: Hôn nhân của bà với ông T là do mai mối, được hai bên gia đình đồng ý, đứng ra tổ chức lễ cưới vào năm 2002 nhưng từ trước đến nay không có đăng ký kết hôn. Ban đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến khi có con nhỏ thì cuộc sống gặp khó khăn về kinh tế, thường xuyên cãi vã đến năm 2012 thì hai bên xảy ra mâu thuẫn lớn và ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà quyết định ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày: 01/01/2003 và Nguyễn Ngân G, sinh ngày 18/6/2006, hiện do bà T chăm sóc. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất ý kiến của bà T. Nay thấy tình cảm không thể hàn gắn được nên đồng ý ly hôn với bà T.

Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Thống nhất trình bày của bà T.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ lần hai nhưng bà T và ông T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nghĩ nên cần phải tiến hành việc xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử được đảm bảo. Về nội dung giải quyết vụ án, xét thấy yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà T xin ly hôn với ông T. Ông T hiện đang cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa bà Tuyền – ông Thương hình thành là mai mối ông bà và gia đình đồng ý, có tổ chức lễ cưới đáng lẽ ra hôn nhân của ông bà đã được pháp luật công nhận nhưng từ trước đến nay ông bà chưa đăng ký kết hôn, lời khai trên phù hợp với giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã Khánh An ngày 11/4/2018 nên HĐXX tuyên không công nhận ông bà là vợ chồng.

Về con chung: Xét thấy hai cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày: 01/01/2003 và Nguyễn Ngân G, sinh ngày 18/6/2006 từ trước đến nay do bà T chăm sóc, tình cảm thật

sự gắn bó, bà T yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Thêm vào đó, hai cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà T, việc thay đổi chỗ ở và sinh hoạt hằng ngày làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, HĐXX nghĩ nên chấp nhận cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Theo quy định, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên tại phiên hòa giải bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng, HĐXX công nhận tự nguyện của bà T.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định, sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên và trong thời gian nuôi con bà T có nghĩa vụ tạo điều kiện cho ông T tới lui thăm con chung, không ai được quyền cản trở ông T thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T – ông T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Bà T được tiếp tục 02 cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày: 01/01/2003 và Nguyễn Ngân G, sinh ngày: 18/6/2006. Công nhận tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà T và những người thân trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện cho ông T đến thăm hai con chung, không ai cản trở ông T thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định, sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm (được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0002929 ngày 17/4/2018).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/6/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo

của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- VKSND (2);
- TAND tỉnh (1);
- Chi cục THADS (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thanh Hoàng